

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN LÃNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày 13-3-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Tâm;

Bà Nguyễn Thị Lợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Thu Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc " ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Sang Q, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số 03 – Trại giam Ngọc Lý, tỉnh Bắc Giang, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Sang Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12-9-2013 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Ban đầu cuộc sống bình thường. Từ năm 2019, chị

và anh Hoàng Sang Q phát sinh mâu thuẫn do anh Hoàng Sang Q có nghiện chất ma túy, thường xuyên đi chơi qua đêm, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi vã, các công việc gia đình đều do chị tự làm. Chị cũng đã góp ý nhưng anh Hoàng Sang Q không nghe, không có sự thay đổi, cuộc sống có nhiều bất đồng. Trong quá trình chung sống chị và anh Hoàng Sang Q phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã nhau, không hòa hợp được. Chị đã cho anh Hoàng Sang Q nhiều cơ hội, nhưng anh Hoàng Sang Q không thay đổi tính cách, cách sống. Hai bên gia đình có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Hoàng Sang Q không thay đổi, hai vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa. Từ tháng 3 năm 2019 đến nay chị và anh Hoàng Sang Q đã sống ly thân. Nay chị xác định chị không còn tình cảm gì với anh Hoàng Sang Q nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Sang Q.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Sang Q có 01 con chung là Hoàng Tùng D, sinh ngày 02-01-2014. Hiện nay cháu Hoàng Tùng D đang ở với chị. Hàng ngày chị vẫn đưa đón cháu đi học. Khi ly hôn chị yêu cầu được là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Tùng D cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh Hoàng Sang Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và cho vay chung: Không có.

- Bị đơn anh Hoàng Sang Q trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12-9-2013 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng năm 2020 hai vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn trong việc chăm lo cho gia đình. Nay chị Nông Thị N yêu cầu được ly hôn với anh, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Nông Thị N có 01 con chung là Hoàng Tùng D, sinh ngày 02-01-2014. Hiện nay cháu Hoàng Tùng D đang ở với chị Nông Thị N. Khi ly hôn chị N là người nuôi dưỡng giáo dục con chung, do anh đang phải chấp hành án nên chưa có điều kiện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổ chức hòa giải cho chị Nông Thị N và anh Hoàng Sang Q vào ngày 12-01-2023. Tuy nhiên anh Hoàng Sang Q vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho anh chị được. Chị Nông Thị N đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa và đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Từ khi thụ lý vụ án đến khi tranh luận tại phiên tòa Thẩm

phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, viết bản tự khai và cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Hoàng Sang Q.

Về con chung: Giao con chung Hoàng Tùng D, sinh ngày 02-01-2014 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Sang Q không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng do chị Nông Thị N không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nông Thị N có đơn yêu cầu giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Hoàng Sang Q có nơi cư trú tại: Thôn L, xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Hiện anh Hoàng Sang Q đang chấp hành án tại Phân trại số 03 – Trại giam Ngọc Lý, tỉnh Bắc Giang. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nông Thị N và anh Hoàng Sang Q sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, có 01 con chung và có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung khi ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Nông Thị N và bị đơn anh Hoàng Sang Q đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt, có bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228

của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nông Thị N và bị đơn anh Hoàng Sang Q.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nông Thị N, thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân, chị Nông Thị N và anh Hoàng Sang Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12-9-2013 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị N và anh Hoàng Sang Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[5] Về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, tuy nhiên sau này đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến tháng 3 năm 2019, vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Ngày 27-11-2020, anh Hoàng Sang Q bị bắt vì có hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, bị kết án 08 (tám) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo Bản án số 39/2021/HS-ST ngày 19-5-2021 và Quyết định thi hành án phạt tù số 72/2021/QĐ-CA ngày 24-06-2021 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Nông Thị N xin ly hôn anh Hoàng Sang Q cũng đồng ý, xét thấy mâu thuẫn của anh Hoàng Sang Q và chị Nông Thị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Nông Thị N xin ly hôn với anh Hoàng Sang Q là có căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Hoàng Sang Q.

[6] Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Hoàng Sang Q có 01 con chung tên là Hoàng Tùng D, sinh ngày 02-01-2014, hiện nay cháu Hoàng Tùng D đang sinh sống cùng chị Nông Thị N. Xét yêu cầu được nuôi cháu Hoàng Tùng D của chị Nông Thị N thấy rằng hiện nay cháu Hoàng Tùng D vẫn sinh sống ổn định cùng chị Nông Thị N, được chị Nông Thị N chăm sóc, cho đi học đầy đủ, hiện nay chị Nông Thị N đang là lao động tự do, có công việc đều và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Tùng D. Tại bản trình bày cháu Hoàng Tùng D cũng có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn cháu chọn ở cùng với mẹ là chị Nông Thị N. Đồng thời anh Hoàng Sang Q hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc Lý cũng nhất trí khi ly hôn để chị Nông Thị N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Hoàng Tùng D cho đến khi đủ 18 tuổi. Do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nông Thị N, giao con chung là cháu Hoàng Tùng D, sinh ngày 02-01-2014 cho chị Nông Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là hợp tình, hợp lý, anh Hoàng Sang Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hoàng Sang Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nông Thị N không có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Do chị Nông Thị N và anh Hoàng Sang Q xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Do chị Nông Thị N và anh Hoàng Sang Q xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị N được ly hôn với anh Hoàng Sang Q (*Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01/2013 của Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã B), huyện V, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hoàng Tùng D, sinh ngày 02/01/2014 cho chị Nông Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng Tùng D đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Sang Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Nông Thị N không yêu cầu

Anh Hoàng Sang Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nông Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0001937, ngày 03/11/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Nông Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nông Thị N, bị đơn anh Hoàng Sang Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh